**Thời gian làm bài 75’**

**Chuẩn bị: Tạo thư mục dạng MSV\_Hoten trong ổ D: (Copy đề thi và giải nén trong TM vừa tạo).**

**Tạo 01 file .docx mới 🡪 đặt tên file dạng *MSV\_Hovaten\_Somay\_KLTN* lưu trong TM vừa tạo.**

Thiết lập các định dạng trên file vừa tạo theo các bước.

Sao chép (copy) nội dung cần định dạng vào file này.

# Bước 1: Thiết lập trang in (Layout / Page setup)

- Paper size: A4,

- Margin: Top ***2cm***, Bottom ***2cm***, Left ***3cm***, Right ***2cm***

- Orientation: Portrait

# Bước 2: Sửa style Normal và áp dụng cho toàn bộ văn bản (Modify style)

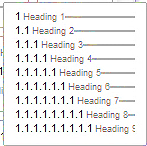
- Times New Roman size 13, Justify, ***Left Indent 0***; Before = After 3pt, Line spacing 1.3

- Áp dụng Style Normal cho toàn bộ văn bản.

# Bước 3: Sửa style Heading 1, Heading 2 và Heading 3 (Modify style)

- **Bước 3.1.** Sửa lại định dạng các style Heading như bảng dưới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Định dạng** | Heading 1  **CHƯƠNG 1.**  hoặc **PHẦN 1.** | Heading 2 - Mục  **1.1.** | Heading 3 - *Tiểu mục*  ***1.1.1.***  *(áp dụng style Heading 2 🡪 Heading 3 sẽ tự xuất hiện)* |
| **Style based on** | Normal | Normal | Normal |
| **Font** | Times New Roman, Size 13  **HOA**, Bold, Justify, chữ đen | Times New Roman, Size 13 **Thường**, Bold, Justify, chữ đen | Times New Roman, Size 13 **Nghiêng**, Bold, Justify, chữ đen |
| **Paragraph** | Left indent: 0cm  Hanging: **2.0cm-PHẦN**  hoặc  **3.0cm-CHƯƠNG**  Before= 0, After= 12pt,  Line spacing 1.3  Thêm ***Page Break before*** | Left indent: 0cm  Hanging: 1cm  Before= After= 3pt  Line spacing 1.3 | Left indent: 0cm  Hanging: 1.25cm  Before= After= 3pt  Line spacing 1.3 |

- **Bước 3.2.** Áp dụng **Multilevel List** dạng cho các **style Heading** và chỉnh lại **Adjust list indent**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Heading 1 (Level 1)**  **CHƯƠNG 1.**  **PHẦN 1.** | **Heading 2 (Level 2)**  **1.1.** | **Heading 3 (Level 3)**  ***1.1.1.*** |
| - Thêm chữ CHƯƠNG hoặc PHẦN vào trước số thứ tự cấp 1 (CHỮ IN HOA) và dấu **.** sau số thứ tự  - Aligned at: **0cm**  - Text indent: **2.0cm**- đối với PHẦN  hoặc **3.0cm**- đối với CHƯƠNG  - Tab stop: **2.0cm**- đối với PHẦN  hoặc **3.0cm**- đối với CHƯƠNG | - Thêm dấu **.** sau số thứ tự  - Aligned at: **0cm**  - Text indent: **1cm**  - Tab stop: **1cm** | - Thêm dấu **.** sau số thứ tự  - Aligned at: **0cm**  - Text indent: **1.25cm**  - Tab stop: **1.25cm** |

# Bước 4: Tạo style DoanVB, style Tru, Cong (Create a style)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Định dạng** | **Style DoanVB** | **Style Tru (-)** | **Style Cong (+)** |
| **Font, Size, Before, After, Line spacing** | Giống Style Normal | Giống Style Normal | Giống Style Normal |
| **Các định dạng khác** | **First line 1cm** | - Thêm Bullet -  - Left Indent**: 1.0cm**  - Hanging: 0.5cm | - Thêm Bullet **+**  - Left Indent**: 1.5cm**  - Hanging: 0.5cm |
| **Chỉnh Adjust List Indent** | Không có | - Bullet position:1.0cm  - Text indent: 1.5cm  - Tab stop: 1.5cm | - Bullet position: 1.5cm  - Text indent: 2.0cm  - Tab stop: 2.0cm |

# Bước 5: Định dạng nội dung

- Áp dụng các style đã sửa và tạo cho đề mục tương ứng,

- Có thể làm theo 2 bước sau để thay thế style nhanh: ***Find & Replace***

+ Thay thế ***chữ*** **CHƯƠNG** hoặc **PHẦN** bằng style **HEADING 1;** thay thế chữ **CHƯƠNG** hoặc **PHẦN** bằng ký tự **trống**

+ Thay thế ***chữ*** **Mục** bằng style **HEADING 2;** Thay thế chữ **Mục** bằng ký tự **trống**

+ Thay thế ***chữ*** **Tiểu mục** bằng style **HEADING 3;** Thay thế chữ **Tiểu** mục bằng ký tự **trống**

+ Thay thế ***dấu*** **-** bằng style Tru; Thay thế dấu **-** bằng ký tự **trống**

+ Thay thế ***dấu*** **+** bằng style Cong; Thay thế dấu **-** bằng ký tự **trống**

# Bước 6: Tạo và định dạng các đối tượng font Times New Roman, size 13 ± 2, căn giữa trang giấy

***Chú ý*** chỉ nên tạo các đối tượng trước, sau khi hoàn thành tất cả các bước mới quay trở lại định dạng đối tượng cho giống mẫu.

- Với định dạng **bảng**: căn bảng giữa trang giấy

+ **Paragraph**: Before 3pt; After 3pt; Multiple 1.1

+ **Dòng tiêu đề bảng**: Bold, Center – Center, Repeat Header Row, Shading: Xanh nhạt hoặc xám nhạt

+ **Dòng dữ liệu**: Ký tự Alignment Left, Số: Alignment Right

+ Đặt thuộc tính bảng (Table Properties) 🡪 **Text Wrapping** chọn **None** (Nếu không lặp lại được dòng tiêu đề)

- Với **ảnh, đồ thị, Smart Art** ... căn giữa trang giấy, thiết lập **Inline with Text** và **căn giữa trang văn bản**, font: Times New Roman (đồ thị không có viền 🡪 No outline).

- Quay giấy ngang đối với Bảng biểu, Ảnh, Smart Art, Chart **khổ lớn**

- Thêm ***Footnote***.

# Bước 7: Tạo và áp dụng Caption label cho đối tượng (References / Insert Caption)

- Đánh số cho **Caption label** dạng: *Label Sốchương.Số thứ tự. Lời tựa* (VD: *Hình 1.2. Việt Nam quê hương tôi*)

(Số chương tự động lấy từ style Heading 1)

- Sửa ***Style Caption:*** Times New Roman, 13, Center, Italic, màu đen, Spacing Before = After = 3pt, Line spacing 1.3

# Bước 8: Chia section - chia KLTN thành 2 phần và chèn số trang (Layout / Breaks / Section Breaks)

- Chia Section: ***Next page*** hoặc ***Continuous***

+ **Section 1**: gồm các trang bìa và mục lục, không đánh số trang

+ **Section 2**: gồm phần nội dung khóa luận, số trang bắt đầu từ Phần 1 (hoặc Chương 1).

- Quay ngang trang nếu bảng/ảnh lớn (Chọn nội dung cần quay/Page setup/Landscape/ ***Selected text***)🡪 tự động thêm section 🡪 đánh lại số trang cho trang quay ngang (Continue previous section).

# Bước 9: Tạo và định dạng mục lục nội dung (References/Table of Contents/Custom Table of Contents)

- **Kiểm tra lại:** Lạc từ, lạc dòng, lạc đoạn, dấu câu… trước khi tạo mục lục

- Tạo và định dạng mục lục nội dung:

+ Chữ **MỤC LỤC** đầu trang mới - Sử dụng **Page break** (Ctrl + Enter). Định dạng **Times New Roman - 14** - Center – INHOA - Đậm, After **12-18pt**.

+ Nội dung mục lục: **Times New Roman -13**, Before = After 3pt, Multiple 1.3. Chỉnh lại định dạng các cấp mục lục như bảng dưới:

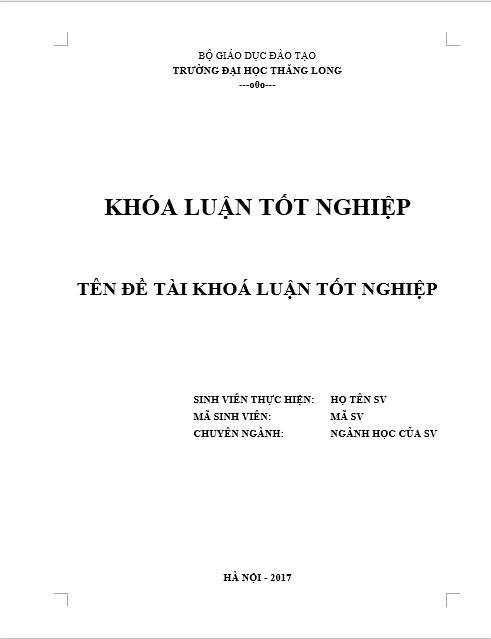
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức mục lục** | **Định dạng** | **Left Indent** | **Hanging** | **Style chỉnh sửa tương ứng** |
| **1** | IN, Bold | 0cm | 0cm | TOC 1 |
| **2** | Thường, Bold | 0.5cm | 1.0cm | TOC 2 |
| **3** | Thường, Italic | 1.0cm | 1.25cm | TOC 3 |

# Bước 10: Tạo và định dạng Danh mục minh họa (References / Insert Table of Figures)

- Chữ DANH MỤC HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU đầu trang mới - Sử dụng **Page break** (Ctrl + Enter). Định dạng: **Times New Roman - 14 -** Center - INHOA - Đậm, After 12-18pt.

- Nội dung mục lục, danh mục: **Times New Roman -13**, chữ thường, Before = After 3pt, Multiple 1.3

# Bước 11: Định dạng trang bìa (khoảng cách Before, After có thể thay đổi cho phù hợp từng bài)



**Font** size **13, IN HOA, ĐẬM, GIỮA**

**Spacing**: Before **3pt,** After **3pt**

**Font** size **30, IN HOA, ĐẬM, GIỮA**

**Spacing**: Before ≈ **130pt**

**Font** size **24, IN HOA, ĐẬM, GIỮA**

**Spacing**: Before ≈ **70pt**

After ≈ **130pt**

*Nếu tên đề tài >2 dòng có thể* ***giảm dần*** *font size từ 24🡪 20, Before và After thay đổi hợp lý*

**Font** size **13, IN HOA, ĐẬM, Trái**

**Spacing**: Before **3pt,** After **3pt**

Thêm **2 Tab stop** căn thẳng **lề trái** sao

**Font** size **13, IN HOA, ĐẬM, GIỮA**

**Spacing**: Before ≈ **130pt**

Tab 1

Tab 2

***- Quay lại BƯỚC 6 - để nhập số liệu và định dạng cho các đối tượng giống mẫu.***

***- Cập nhật lại các MỤC LỤC và DANH MỤC (nếu cần).***